

Bản án số: **179/2020/DS - PT**

Ngày: 11/9/2020

*“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy GCNQSDĐ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành

Ông Lê Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị P Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về: *“Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1360/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1989, cư trú tại: Xóm L, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Thanh S: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1987, địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2019). C1 mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh N, sinh năm 1973; Cư trú tại: Xóm L, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. C1 mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1975. Vắng mặt.
- Anh Huỳnh Ngọc K, sinh 1995. Vắng mặt.
- Anh Huỳnh Ngọc K1, sinh ngày 24/01/2001. Vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Xóm L, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị T1, anh Huỳnh Ngọc K, anh Huỳnh Ngọc K1: Ông Huỳnh N (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2019). C1 mặt.

- Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1965. Vắng mặt.
- Anh Huỳnh Văn T1, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Xóm L, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1963, cư trú tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Ông Huỳnh Đ, sinh năm 1961, cư trú tại: tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn T, anh Huỳnh Văn T1, bà Huỳnh Thị N và ông Huỳnh Đ: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1987, địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi (Theo văn bản ủy quyền các ngày 08/5/2019 và 14/5/2019). C1 mặt.

- Ông Huỳnh N1, sinh năm 1975. Vắng mặt.
 - Cụ Nguyễn Thị S1, sinh năm 1942. Vắng mặt.
- Cùng cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh H - Giám đốc

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi. C1 đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Văn P - Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện B (Theo Quyết định số 107/QĐ-STNMT ngày 08/4/2019). Vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung đề các ngày 24/12/2018, 18/3/2019, các lời khai tại hồ sơ và tại phiên toà, bà Phạm Thị T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh S trình bày:*

Nguyên trước năm 1975 ông cố nội ông Huỳnh Thanh S là cụ Huỳnh M có tạo lập được mảnh đất có diện tích 3 sào, 11 thước, khoảng 1.840m², theo Trích lục Đại nam - Trung kỳ - Chánh phủ là thửa đất có số hiệu 167. Đến khoảng

năm 1980, ông cố nội anh S cho cháu nội của mình là ông Huỳnh Văn T (cha anh S) mảnh đất này để trồng khoai lang, khi cho thì chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ gì. Trong quá trình quản lý sử dụng, vì không hiểu biết pháp luật nên ông T không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất. Ông T sử dụng liên tục đến năm 1994. Cũng trong năm 1994, ông Huỳnh N1 (là anh em con thúc bá với ông T) lấy vợ nhưng không có chỗ ở nên ông T cho ông Huỳnh N1 2/3 diện tích mảnh đất để làm nhà ở và canh tác, sản xuất để sinh sống, còn 1/3 diện tích còn lại thì ông T tiếp tục sử dụng.

Đến năm 1998, ông Huỳnh N1 đi đăng ký kê khai đối với phần diện tích đất được ông T cho và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh N1 đối với phần diện tích đất này là thửa đất số 329, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.530m², tại thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24/12/1998. Đến năm 2013, thửa đất số 329, biến động thành thửa đất số 69, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.299m². Sau đó, đến ngày 15/6/2017 ông Huỳnh N1 tiến hành tách thửa đất 69 thành 05 thửa đất và được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 15/6/2017 là: Thửa đất số 144 (diện tích 700m²), thửa đất 145 (diện tích 176m²), thửa đất 146 (diện tích 184m²), thửa đất 147 (diện tích 185m²), thửa đất 148 (diện tích 218m²), cùng thuộc tờ bản đồ số 7 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Đối với 1/3 phần diện tích đất còn lại là 310m² (1.840m² - 1.530m²), (theo Biên bản kiểm tra thực địa ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã B thì diện tích thực tế là 388m²), ông T tiếp tục quản lý sử dụng trồng khoai lang, nhưng vì đất đai cần cỗi nên ông T chỉ trồng được vài vụ, rồi sau đó để đất trống, chuyển sang làm thợ hồ. Vì ít học, thiếu hiểu biết nên ông T không đăng ký kê khai đối với phần đất này. Trong quá trình sử dụng thì ông Huỳnh N là chủ đất phía Tây, lợi dụng việc ông T thiếu quản lý, đã lấn chiếm, kê khai luôn cả phần diện tích này vào phần đất của ông N và sau đó đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số N261029, số vào sổ 01220, thửa đất số 610, tờ bản đồ 9, diện tích 1.900m² cho hộ ông Huỳnh N ngày 26/12/1998. Đến ngày 24/11/2016, thửa đất số 610 được cấp đổi lại cho hộ ông Huỳnh N theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CE 420192, thửa đất số 112, tờ bản đồ 67 có diện tích là 2.805m² tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Việc ông Huỳnh N chiếm đất, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp đổi cho ông Huỳnh N thì ông T hoàn toàn không hay biết. Đến năm 2007, theo thông báo của Ủy ban nhân dân xã B thì ông T đến Ủy ban nhân

dân đề đăng ký kê khai đối với phần diện tích đất này. Tuy nhiên, trong quá trình kê khai thì mới biết là thửa đất đã được cấp cho ông Huỳnh N.

Ngày 09/10/2012, ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Búp đã lập văn bản cho anh S phần diện tích đất mà ông Huỳnh N đã lấn chiếm, kê khai gộp vào thửa đất số 112, tờ bản đồ 67 có diện tích là 2.805m² tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nay, ông Huỳnh Thanh S yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CE 420192, sổ vào sổ cấp GCN: CS07150 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Huỳnh N ngày 24/11/2016 đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 67, diện tích 2.805m² tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Buộc ông Huỳnh N trả lại quyền sử dụng đất 338,7m² đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 67 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Huỳnh Thanh S có giới cận:

- + Phía Bắc giáp thửa 148, tờ bản đồ số 7, diện tích 218m² do ông Huỳnh N1 tặng cho ông Huỳnh Thanh S;

- + Phía Nam giáp mương;

- + Phía Đông giáp đất ông Huỳnh U;

- + Phía Tây giáp đất ông Huỳnh N.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2019, các lời khai tại hồ sơ và tại phiên toà ông Huỳnh N là bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T1, anh Huỳnh Ngọc K, anh Huỳnh Ngọc K1 trình bày:*

Nguyên trước đây ông bà cố nội của ông là cố Huỳnh H và cố Cù Thị N2 tạo lập được mảnh vườn có diện tích khoảng 9.000m² tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Cố H và cố N2 sinh được 03 người con là cụ Huỳnh Đ, cụ Huỳnh Tấn C (Huỳnh T) và cụ Huỳnh C1. Mảnh vườn nêu trên hai cố đã cho 3 người con, mỗi người quản lý, sử dụng khoảng 3.000m².

Phần diện tích cụ Huỳnh Đ được chia, cụ Đ đã để lại cho con trai là cụ Huỳnh L, sau đó cụ Huỳnh L cho con trai là ông Huỳnh N quản lý, sử dụng từ năm 1994, hiện nay là thửa đất số 112, tờ bản đồ số 67, diện tích 2.805m² tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là thửa 112) có phần diện tích ông Huỳnh Thanh S đang tranh chấp.

Phần diện tích cụ Huỳnh Tấn C (Huỳnh T) được chia, cụ C để lại cho con trai Huỳnh Y, Huỳnh Minh P quản lý, sử dụng vị trí đất nằm về phía tay phải của thửa 112.

Phần diện tích cụ Huỳnh C1 được chia, cụ C1 để lại cho ông Huỳnh C3 và ông C3 hiện nay đang quản lý, sử dụng, vị trí đất nằm về phía tay phải thửa đất của ông Huỳnh Y, Huỳnh Minh P quản lý, sử dụng.

Đối với phần đất của ông Huỳnh N1 hiện nay đang quản lý, sử dụng: Trước đây ông Huỳnh N1 là con cháu trong họ, không có chỗ ở nên khi còn sống cụ Huỳnh T và cụ Huỳnh Đ đã cho ông Huỳnh N1 phần diện tích phía sau, hiện nay gia đình ông N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích mà cụ T và cụ Đ cho.

Đối với thửa đất 112: Từ năm 1975 đến năm 1994, ông Huỳnh L trồng cây khoai Lang tháng 7. Năm 1994, khi ông lập gia đình với bà Đặng Thị T1, cha ông là cụ Huỳnh L đã cho ông thửa đất này, ông cùng vợ vào xây dựng nhà và quản lý, sử dụng trồng cây điều lộn hột từ năm 1994 đến nay. Đối với phần diện tích đất tranh chấp ông cũng trồng điều nhưng ông Huỳnh Thanh S đã tự ý chặt phá cây điều của gia đình ông và nói rằng phần diện tích đất tranh chấp là của anh S. Gia đình có báo chính quyền địa phương và C an xã B đã đến và lập biên bản sự việc trên.

Khi cha ông là cụ L cho vợ chồng ông thửa 112, vì thửa đất rộng, nên vợ chồng ông không có điều kiện để làm hàng rào xung quanh thửa 112 nhưng vợ chồng ông đã quản lý, sử dụng từ năm 1994, ông là người đứng ra đăng ký, kê khai đối với thửa 112; vị trí, hình thể của thửa đất được cấp qua các thời kỳ không thay đổi. Theo bản đồ 299/TTg lập năm 1998 là thửa đất số 365, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.340m²; Theo bản đồ 299/TTg chỉnh lý năm 1986 là thửa đất số 610, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.900m².

Ngày 20/12/1998, Ủy ban nhân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông đối với thửa thửa đất số 610, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.900m² tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 24/11/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉnh lý và cấp đổi cho hộ gia đình ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 112 (trước đây là thửa 610). Mặc dù diện tích có thay đổi nhưng việc thay đổi là do trước đây do bằng thủ công, sau này đo bằng máy nên có sự chênh lệch về diện tích của thửa đất nhưng vị trí, hiện trạng và hình thể của thửa đất không thay đổi.

Nay ông Huỳnh Thanh S yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông đối với thửa 112 và buộc ông trả lại quyền sử dụng 338,7m² đất lấn chiếm thuộc thửa 112; ông không đồng ý vì toàn bộ thửa 112 vợ chồng ông đã quản lý, sử dụng đất diện tích, gia đình ông không lấn chiếm đất của ai.

** Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông Huỳnh Văn T, anh Huỳnh Văn T1, bà Huỳnh Thị N và ông Huỳnh Đ trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh S, không có tranh chấp cũng như không có yêu cầu nào khác đối với phần đất đang tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh N1: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có tranh chấp và không có yêu cầu nào khác đối với phần đất đang tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Huỳnh Thị S1: Không có ý kiến trình bày, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.*

** Tại văn bản số 125/CNHBS ngày 03/6/2019, đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi trình bày: Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CE 420192, sổ vào sổ CS07150 cho hộ ông Huỳnh N ngày 24/11/2016 là đầy đủ thủ tục và đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 98 Luật đất đai năm 2013; Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 227, Điều 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 98; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh S về việc buộc ông Huỳnh N trả lại quyền sử dụng đất đối với 338,7m² diện tích đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 67, diện tích 2.805m² (Theo đo đạc thực tế 2.590,3m²) tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho anh Huỳnh Thanh S.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh S về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CE 420192, sổ vào sổ cấp GCN: CS07150 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ

ông Huỳnh N ngày 24/11/2016 đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 67, diện tích 2.805m² tại xã B huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 25/3/2020, ông Huỳnh Thanh S kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông: Hủy GCNQSDĐ số CE 420192 của thửa 112, tờ bản đồ số 67, diện tích 2.805m² tại xã B, huyện B, Quảng Ngãi do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Huỳnh N ngày 24/11/2016 và buộc ông Huỳnh N trả lại quyền sử dụng đất 388m² lần chiếm thuộc thửa 112, tờ bản đồ 67 cho ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Thanh S; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh S; nhận thấy:

[1.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

- Tại Biên bản xác minh ngày 10/5/2018 của UBND xã B (**BL 100 - 101**) ông Huỳnh Q, sinh năm 1942 và ông Huỳnh A, sinh năm 1945, là các nhân chứng, xác định: Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Huỳnh Thanh S và ông Huỳnh N thì từ năm 1979 đến nay ông Huỳnh Đ (Huỳnh L) là cha ông N sử dụng trồng lang, đến năm 1995 ông Huỳnh N xây dựng nhà ở cho đến nay. Ông Huỳnh Văn T không có sử dụng diện tích đất này.

- Tại Biên bản xác minh ngày 10/5/2018 của UBND xã B (**BL 102**), ông Huỳnh Y, sinh năm 1956, là người sử dụng diện tích đất liền kề diện tích đất đang tranh chấp, xác định: Về nguồn gốc đất, ông Huỳnh Văn T cho rằng là đất của ông bà để lại là đúng, nhưng ông T không sử dụng từ năm 1979 đến nay. Diện tích đất đang tranh chấp này do ông Huỳnh L sử dụng từ năm 1979 để trồng lang, đến năm 1995 cho Huỳnh N (con ông L) xây dựng nhà ở đến nay.

- Mặt khác tại C văn số 2961/UBND-NC ngày 14/11/2019 của UBND huyện B (**BL 215**), xác định: Về nguồn gốc thửa đất số 610, tờ bản đồ số 9, xã B, diện tích 1.900m² (T: 200m², Vườn: 1.700m²), do UBND huyện cấp cho hộ ông Huỳnh N. Theo GCN cấp đổi, cấp lại ngày 24/11/2016 thuộc thửa đất số 12,

tờ bản đồ số 67, diện tích 2.805m² (ONT: 200m², BHK: 2.605m²) có nguồn gốc trước 1975 là đất hoang, đến năm 1977-1978 thì ông Huỳnh L (cha ông N) khai hoang sử dụng, đến năm 1995 Huỳnh N lập gia đình và xây dựng nhà ở cho đến nay.

Theo bản đồ 299/TTg lập năm 1986, thuộc thửa đất số 365, tờ bản đồ 09, diện tích 2.340m², loại đất Hg (hoang). Theo bản đồ 299/TTg chỉnh lý cấp giấy chứng nhận năm 1998, tại thửa số 610, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.900m², loại đất (T) do hộ ông Huỳnh N đứng tên và kê khai cấp GCNQSDĐ năm 1998.

Đối với phần diện tích có sự chênh lệch theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ năm 1998, bản đồ 2001 và bản đồ năm 2015 là do sai số trong quá trình đo đạc.

Từ năm 1977 đến thời điểm cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Huỳnh N thì thực tế ông Huỳnh Văn T không có quản lý, sử dụng thửa đất này.

[1.2] Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh S cho rằng diện tích đất tranh chấp là của ông, bà để lại, do cha ông là ông Huỳnh Văn T sử dụng, đến ngày 09/10/2012, cha mẹ ông lập Biên bản thỏa thuận hợp gia đình cho ông diện tích đất này; thể hiện: “Còn phần đất Tục gọi là đồng Trảng của ông nội là Huỳnh M chuyển nhượng cho vợ chồng tôi. Nay vợ chồng tôi chuyển nhượng cho em con ông chú Huỳnh N1 một số diện tích đất để làm nhà, còn lại một phần giao chuyển nhượng cho Huỳnh Thanh S là con thứ để tiếp tục thừa kế”. Biên bản này không thể hiện rõ diện tích đất cho ông Huỳnh Thanh S là bao nhiêu, thuộc thửa đất nào và cũng không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Mặt khác theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì ông Huỳnh Văn T không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo chỉ thị 299/TTg và Nghị định 64/CP; Đồng thời cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc ông Huỳnh Văn T hay ông Huỳnh Thanh S quản lý, sử dụng diện tích đất này từ năm 1975 cho đến khi tranh chấp với ông Huỳnh N.

Từ phân tích tại mục [1.1], [1.2] nêu trên, án sơ thẩm căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 98 và Điều 100 Luật đất đai năm 2013, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh S là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Thanh S; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm về chi phí tố tụng; nghĩa vụ chậm thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Thanh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Bác kháng cáo của ông Huỳnh Thanh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 98; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh S về việc buộc ông Huỳnh N trả lại quyền sử dụng đất đối với 338,7m² diện tích đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 67, diện tích 2.805m² (Theo đo đạc thực tế 2.590,3 m²) tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Huỳnh Thanh S.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh S về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CE 420192, số vào sổ cấp GCN: CS07150 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Huỳnh N ngày 24/11/2016 đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 67, diện tích 2.805 m² tại xã B huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các quyết định khác về án phí dân sự sơ thẩm; chi phí tố tụng sơ thẩm; quyền yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; Đ nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004812 ngày 17/4/2020 của Cục T hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào